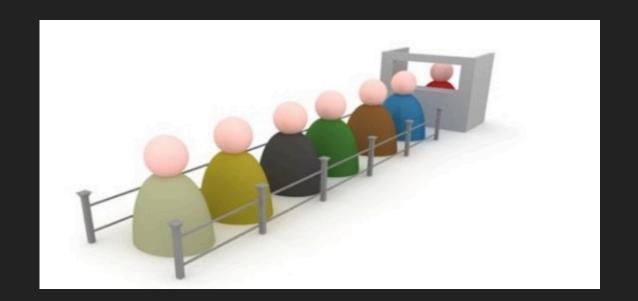
Data Structure & Algorithm

Data Structure

Stack & Queue

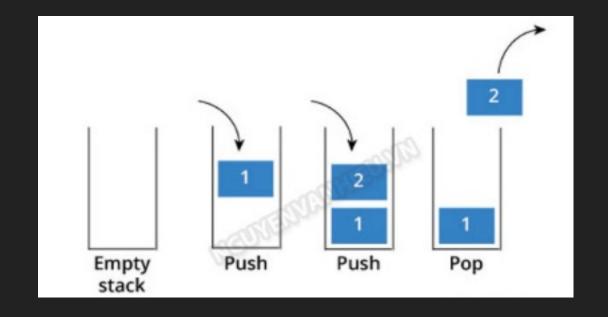
1. Định nghĩa

Queue – Hàng đợi: là một cấu trúc dữ liệu hoạt động theo nguyên tắc FIFO (First In First Out : Vào trước ra trước)

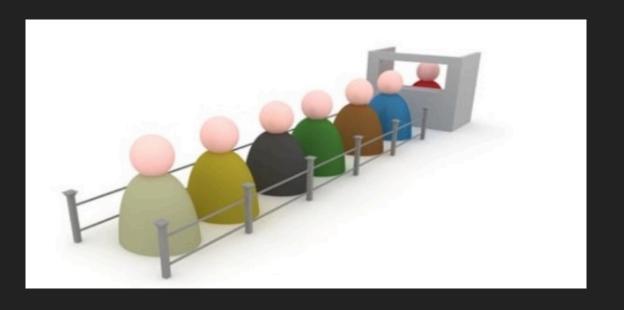


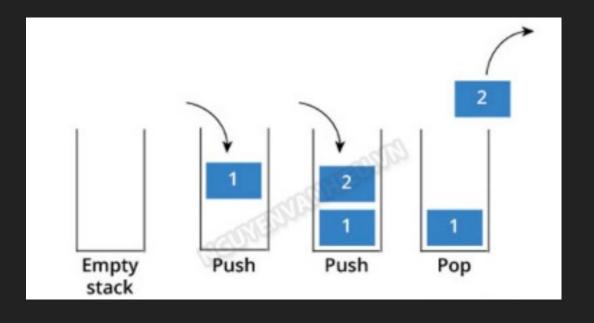
1. Định nghĩa

Stack – Ngăn xếp: là một cấu trúc dữ liệu hoạt động theo nguyên tắc FILO (First In Last Out: Vào sau ra trước)



1. Định nghĩa





Queue – Hàng đợi

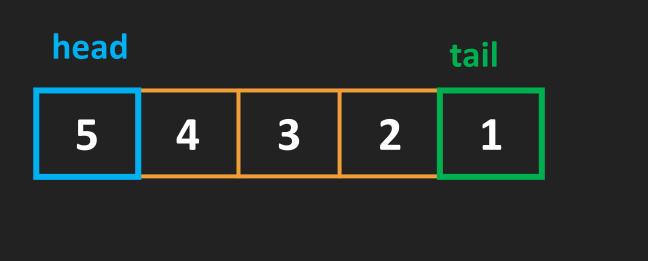
Stack – Ngăn xếp (Cái Cốc)

2. Use - Ứng dụng

- Queue Hàng đợi: Breadth-First search (BFS) algorithm, others...
- Stack Ngăn xếp: Depth-First search (DFS) algorithm, others...

- Các thao tác chính khi làm việc với Stack và Queue là:
 - push: Thêm vào một phần tử SnQ
 - pop: Lấy ra một phần tử trong SnQ
 - isFull: Kiểm tra SnQ đã đầy chưa (array)
 - isEmpty: Kiểm tra SnQ có empty hay ko
 - •

Array: Sử dung 1 mảng array để làm buffer cho Stack và Queue:



Queue – Hàng đợi



Stack – Ngăn xếp

Array: Sử dung 1 mảng array để làm buffer cho Stack và Queue:

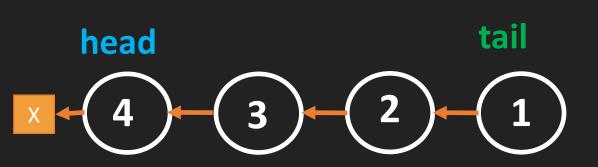
```
public class MyQueue {
 private int[] array;
 private int SIZE;
 private int head;
 private int tail;
MyQueue(int size){
     array = new int[size];
     SIZE = size;
```

```
public class MyStack {
 private int[] array;
 private int SIZE;
 private int top;
MyStack(int size){
     array = new int[size];
     SIZE = size;
```

Queue – Hàng đợi

Stack – Ngăn xếp

Linked List: Sử dụng linked list để lưu trữ cho SnQ:



Queue – Hàng đợi



- Array:
 - Ưu điểm: dễ implement (cài đặt).
 - Nhược điểm: bộ nhớ bị giới hạn và không tối ưu.

- Linked List:
 - Ưu điểm: Tối ưu về mặt bộ nhớ.
 - Nhược điểm: Implement khó hơn sử dụng array.

4. Practice - Thực hành

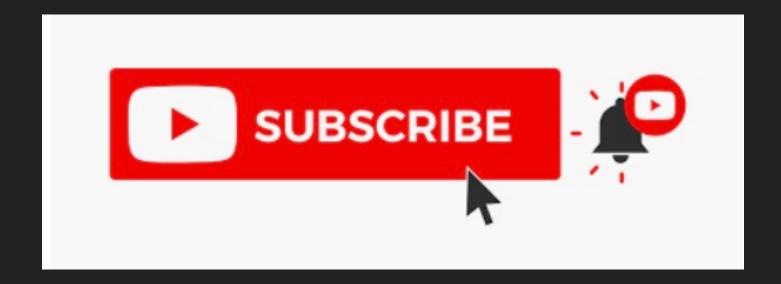




Queue – Hàng đợi

Stack – Ngăn xếp

Data Structure & Algorithm



Please Like and Subcribe

>3.1 Cài đặt Stack bằng Mảng - Array

>3.2 Cài đặt Queue bằng Mảng - Array

>3.3 Cài đặt Stack bằng Linked List

>3.4 Cài đặt Queue bằng Linked List